

Số/ No.: 20230419/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

*Kính gửi:* Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

*Tới:* Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ <i>ETF name:</i>	Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/ <i>Securities symbol:</i>	<b>FUEKIVFS</b>
- Tên Công ty Quản lý quỹ: <i>Fund Management company:</i>	Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ <i>Supervisory Bank:</i>	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/ Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ <i>Exchange date:</i>	<b>18/04/2023</b>
- Đơn vị tính lô ETF/ <i>Unit:</i>	1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

**Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:**

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	3,800	10.22%
2	AGR	100	0.11%
3	BID	300	1.45%
4	BMI	100	0.26%
5	BSI	100	0.29%
6	BVH	100	0.51%
7	CTG	900	2.83%
8	CTS	100	0.18%
9	EIB	1,500	3.19%
10	FTS	100	0.29%
11	HCM	300	0.82%
12	HDB	2,300	4.78%
13	LPB	1,900	2.92%
14	MBB	3,300	6.48%
15	MIG	100	0.18%
16	MSB	2,100	2.87%
17	OCB	1,000	1.77%
18	ORS	300	0.38%
19	SHB	3,200	4.06%
20	SSB	1,800	6.07%
21	SSI	1,400	3.22%
22	STB	2,500	6.97%
23	TCB	3,000	9.51%
24	TPB	1,200	2.97%
25	VCB	700	6.66%
26	VCI	400	1.34%
27	VDS	100	0.10%
28	VIB	1,400	3.11%
29	VIX	800	0.66%
30	VND	1,200	1.92%
31	VPB	6,100	13.43%
<b>II. Tiền/ Cash</b>			
	Tiền/ Cash (VND)	4,140,065	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: (VND)

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: (VND)

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value*: (VND)

**925,011,000**

**929,151,065**

**4,140,065**



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

*Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

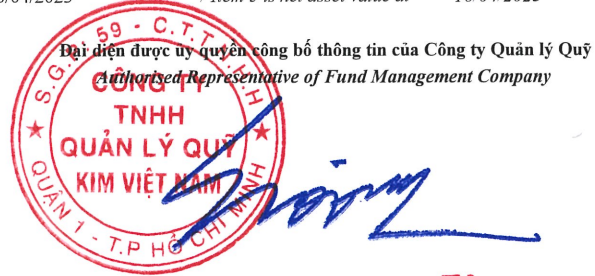
STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	25,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	45,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BSI	27,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch
4	BVH	47,200	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
5	HCM	25,550	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	LPB	14,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	18,250	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MSB	12,700	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	OCB	16,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	TCB	29,450	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
11	TPB	23,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
12	VCB	88,400	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
13	VCI	31,150	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch
14	VIB	20,650	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
15	VPB	20,450	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
<b>Chỉ tiêu/ Criteria</b>		<b>Kỳ này/ This period (*)</b>	<b>Kỳ trước/ Last period (**)</b>	<b>Chênh lệch/ Difference</b>
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>		18/04/2023	17/04/2023	-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>				-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>		7,700,000	7,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>		9,300.00	9,400.00	(100)

59 - C.  
CÔNG  
TNNH  
ẢN LÝ  
VIỆT N  
T.P HỒ

Chi tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*) 18/04/2023	Kỳ trước/ Last period (**) 17/04/2023	Chênh lệch/ Difference
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	71,544,632,071	71,492,358,595	52,273,476
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	929,151,065	928,472,189	678,876
của 1 CCQ/ per Share	9,291.51	9,284.72	6.79
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,633.70	1,641.09	(7.39)

(\*) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 17/04/2023 / Item 5 is net asset value at 17/04/2023

(\*\*) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 16/04/2023 / Item 5 is net asset value at 16/04/2023



**Yun Hang Jin**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

